

Số: 163 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 27 tháng 3 năm 2024

KẾ HOẠCH
**Phối hợp các cơ quan báo chí Trung ương và ngoài tỉnh truyền thông
về tỉnh Đồng Nai năm 2024**

Căn cứ Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 21/6/2023 của UBND tỉnh về truyền thông quảng bá hình ảnh tỉnh Đồng Nai ra nước ngoài theo cách làm mới giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 29/11/2023 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện Chiến lược truyền thông về tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 262/KH-UBND ngày 08/11/2023 của UBND tỉnh về hoạt động thông tin đối ngoại tỉnh Đồng Nai năm 2024;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phối hợp với các cơ quan báo chí báo chí Trung ương và ngoài tỉnh truyền thông về tỉnh Đồng Nai năm 2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Xây dựng, quảng bá thương hiệu, hình ảnh tỉnh Đồng Nai văn minh, năng động, phát triển, xứng tầm là một trụ cột trong vùng kinh tế trọng điểm vùng Đông Nam Bộ, đồng thời, là vùng đất thân thiện, giàu bản sắc văn hóa, đầy tiềm năng, nhiều cơ hội đầu tư phát triển.

b) Truyền thông, quảng bá về tiềm năng, thế mạnh, tạo ấn tượng đậm nét hơn về tỉnh Đồng Nai đến các nước trong khu vực và trên thế giới, qua đó thúc đẩy mạnh mẽ phát triển du lịch, gia tăng thu hút các nguồn lực đầu tư cho tỉnh, nhất là đầu tư nước ngoài, tạo được những bước phát triển đột phá trong các ngành mũi nhọn của tỉnh.

c) Thông tin, định hướng những vấn đề được dư luận quan tâm, nhất là những vấn đề quan trọng, nhạy cảm của địa phương; phản biện kịp thời các thông tin không chính xác gây ảnh hưởng không tốt đến hình ảnh tỉnh Đồng Nai.

2. Yêu cầu

a) Thông tin, tuyên truyền, quảng bá về địa phương đảm bảo chính xác, kịp thời, khách quan, trung thực, theo đúng định hướng chính trị của Đảng, pháp

luật của Nhà nước; đáp ứng xu thế hội nhập và phát triển trong giai đoạn đổi mới của đất nước, quốc tế.

b) Công tác tuyên truyền phải sinh động, thiết thực, tạo dựng hình ảnh về địa phương với những đặc trưng riêng của tỉnh Đồng Nai.

c) Đảm bảo mức hiện diện truyền thông tích cực về Đồng Nai trên môi trường báo chí: mỗi tuần có ít nhất 02 thông tin có chiều sâu và tích cực về Đồng Nai.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ CƠ QUAN BÁO CHÍ PHỐI HỢP TRUYỀN THÔNG

1. Nội dung truyền thông

a) Thông tin, tuyên truyền công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2024; thông tin về nỗ lực của tỉnh nhằm đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; đưa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 vào cuộc sống; các nỗ lực giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an toàn, trật tự xã hội, phát triển y tế - giáo dục, thực hiện tốt chính sách tôn giáo - dân tộc, chăm lo cho gia đình chính sách, bảo đảm an sinh xã hội...

b) Tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng trong năm 2024.

c) Truyền thông việc thực hiện các chính sách về tôn giáo, dân tộc, giảm nghèo; chính sách đối với người có công, người khó khăn, đối tượng yếu thế trong xã hội.

d) Truyền thông việc phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế, công nghiệp chế biến, xuất khẩu các sản phẩm chủ lực; công tác mời gọi, thu hút đầu tư; công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

đ) Truyền thông về phát triển kinh tế nông nghiệp, nông nghiệp sản xuất lớn, nông nghiệp sạch, công nghệ cao, hiện đại, bền vững.

e) Truyền thông về tài nguyên thiên nhiên của tỉnh; công tác bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường, tài nguyên trên địa bàn tỉnh; công tác gìn giữ các tài nguyên đa dạng và phong phú của tỉnh Đồng Nai; phát huy lợi thế của tài nguyên góp phần phát triển kinh tế xã hội tỉnh.

g) Truyền thông chủ trương, đường lối đối ngoại theo tinh thần Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; truyền thông, quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh nhằm thu hút nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh và bền vững.

h) Tuyên truyền công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông; kết quả công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư; chương trình xúc tiến đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng cường thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh.

i) Tuyên truyền quan điểm, mục tiêu, giải pháp thực hiện chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh, xây dựng chính quyền điện tử tiến tới xây dựng chính quyền số trên địa bàn tỉnh.

k) Tuyên truyền về công tác quản lý quy hoạch, trật tự và xây dựng đô thị, bảo vệ môi trường.

l) Truyền thông về thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh Đồng Nai”.

m) Tuyên truyền về công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo; công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

n) Tuyên truyền đấu tranh phản bác những thông tin sai sự thật, thiếu hoặc không chính xác, gây ảnh hưởng đến hình ảnh, uy tín của tỉnh.

2. Cơ quan phối hợp truyền thông và hình thức truyền thông

a) Cơ quan phối hợp truyền thông: Báo Nhân Dân; Thông tấn xã Việt Nam; Báo Thanh niên; Báo Sài Gòn giải phóng; Báo Pháp luật Việt Nam; Báo Vietnamnet, Báo Đại biểu Nhân Dân.

b) Hình thức truyền thông:

- Báo in, báo điện tử: bài phản ánh; bài nghiên cứu trao đổi; bài phỏng vấn; ảnh minh họa; tin ảnh

- Báo hình: phóng sự truyền hình

c) Ngôn ngữ thể hiện: tiếng Việt; tiếng Anh; tiếng Trung; tiếng Pháp; tiếng Khmer.

(Nội dung chi tiết tại Phụ lục nội dung và tổng dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch: 2.425.916.084 đồng (từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2024 (theo Quyết định số 562/QĐ-STC, ngày 12/12/2023 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2024), bao gồm:

1. Truyền thông trên các cơ quan báo chí: 2.393.116.084 đồng.
2. Chi phí thẩm định giá: 32.800.000 đồng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện ký hợp đồng trực tiếp với cơ quan báo chí thực hiện tuyên truyền theo đúng quy định hiện hành và báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

b) Chủ động, kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc để đề xuất, tham mưu UBND tỉnh.

2. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng nội dung thông tin, tuyên truyền về Đồng Nai trên các cơ quan báo chí.

3. Giao Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng Nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

4. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Biên Hòa và Long Khánh tạo điều kiện hỗ trợ, cung cấp các thông tin, số liệu cần thiết cho các cơ quan báo chí khi có yêu cầu; đồng thời, chỉ đạo cán bộ công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị xem, chia sẻ các tin, bài, chương trình tuyên truyền về Đồng Nai của các cơ quan báo chí.

5. Cơ quan báo chí phối hợp truyền thông

Căn cứ vào nội dung Kế hoạch này, chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện công tác tuyên truyền kịp thời, hiệu quả, lan tỏa sâu rộng đến Nhân dân trong và ngoài tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch phối hợp các cơ quan báo chí Trung ương và ngoài tỉnh truyền thông về tỉnh Đồng Nai năm 2024; đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Công an tỉnh, Bộ CHQS tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, các PVP UBND tỉnh;
- Thông tấn xã Việt Nam;
- Báo Nhân Dân;
- Báo Thanh niên;
- Báo Vietnamnet;
- Báo Sài Gòn giải phóng;
- Báo Pháp luật Việt Nam;
- Báo Đại biểu Nhân dân;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

NỘI DUNG THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN VÀ TỔNG DỰ TOÁN KINH PHÍ PHỐI HỢP VỚI CÁC CƠ QUAN BÁO CHÍ TRUNG ƯƠNG VÀ NGOÀI TỈNH TRUYỀN THÔNG VỀ TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 103 /KH-UBND ngày 27/3/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. KINH PHÍ PHỐI HỢP VỚI CÁC CƠ QUAN BÁO CHÍ TUYÊN TRUYỀN				
Số TT	Cơ quan báo chí phối hợp tuyên truyền	Nội dung thông tin tuyên truyền	Kinh phí (đồng)	Thuyết minh
1	Thông tấn xã	Thông tin về nỗ lực của tỉnh nhằm đẩy mạnh công tác xây dựng xây dựng hệ thống chính trị; kết quả triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 vào cuộc sống. Chương trình, biện pháp nổi bật của tỉnh để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh – quốc phòng năm 2024. Thông tin, phản ánh về các giải pháp nâng cao các chỉ số về năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính; tiến độ lập quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng, đặc biệt là quy hoạch chung đô thị và quy hoạch vùng; việc triển khai một số nhiệm vụ liên quan đến thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp... Truyền thông các chính sách có tác động lớn trên địa bàn tỉnh. Định hướng dư luận khi có những thông tin, dư luận trái chiều, thông tin không được kiểm chứng, thông tin không đúng sự thật về các sự việc diễn ra trong tỉnh Đồng Nai trên cơ sở đường lối, chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước.	497.898.205	<i>Phụ lục 1 - Tổng dự toán kinh phí trên Thông tấn xã</i> <i>Phụ lục 1.1 - Biểu chi tiết thực hiện tác phẩm báo chí (Tiếng nước ngoài)</i> <i>Phụ lục 1.2 - Biểu chi tiết thực hiện tác phẩm báo chí (Tiếng Việt)</i> <i>Phụ lục 1.3 - Biểu chi tiết thực hiện phóng sự chính luận 5 phút</i>
2	Báo Nhân Dân	Nhóm các bài viết thông tin, tuyên truyền đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước, về hoạt động của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, lãnh đạo tỉnh, các bộ, ngành và đoàn nước ngoài làm việc tại tỉnh. Nỗ lực và giải pháp bảo vệ môi trường; công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, phòng chống tham nhũng, giải quyết khiếu nại, tố cáo; nâng cao đời sống nhân dân, giảm nghèo, an sinh xã hội, chăm lo cho đồng bào dân tộc vùng sâu, xa; chính sách dân tộc – tôn giáo; các phong trào thi đua yêu nước. Tuyên truyền, cổ vũ các nhân tố mới, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Định hướng dư luận khi có những thông tin, dư luận trái chiều, thông tin không được kiểm chứng, thông tin không đúng sự thật về các sự việc diễn ra trong tỉnh Đồng Nai trên cơ sở đường lối, chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước. Thông tin việc quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng và thực hiện quyết liệt giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư ngay từ đầu năm, nhất là các dự án lớn, trọng điểm.	794.959.126	<i>Phụ lục 2 - Tổng dự toán kinh phí trên Báo Nhân Dân</i> <i>Phụ lục 2.1 - Dự toán kinh phí thực hiện bài phản ánh</i> <i>Phụ lục 2.2 - Dự toán kinh phí thực hiện bài phỏng vấn</i> <i>Phụ lục 2.3 - Dự toán kinh phí thực hiện ảnh minh họa</i> <i>Phụ lục 2.4 - Dự toán kinh phí thực hiện tin ảnh</i>
3	Báo Thanh niên	Thông tin chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, các chủ trương công tác của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Đồng Nai. Vai trò của thanh niên trong công cuộc chuyển đổi số, vận dụng, ứng dụng công nghệ số trong thực tiễn cuộc sống và nâng cao năng lực số cho thanh thiếu nhi; thúc đẩy, hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp, lập nghiệp, làm kinh tế của thanh niên. Giáo dục thanh niên về lý tưởng, ý thức công dân, kỹ năng sống và đẩy mạnh tuyên truyền việc tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình phát triển thanh niên. Thông tin, giới thiệu những nhân tố mới, mô hình mới, gương người tốt, việc tốt, điển hình thanh niên tiêu biểu; đoàn kết, tập hợp thanh niên, góp phần đẩy mạnh công tác Đoàn, Hội, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	250.588.268	<i>Phụ lục 3 - Tổng dự toán kinh phí trên Báo Thanh niên</i> <i>Phụ lục 3.1 - Dự toán kinh phí bài phản ánh</i> <i>Phụ lục 3.2 - Dự toán kinh phí bài nghiên cứu trao đổi</i> <i>Phụ lục 3.3 - Dự toán kinh phí bài phỏng vấn</i> <i>Phụ lục 3.4 - Dự toán kinh phí ảnh minh họa theo bài báo in</i> <i>Phụ lục 3.5 - Dự toán kinh phí ảnh minh họa theo bài báo điện tử</i> <i>Phụ lục 3.6 - Dự toán kinh phí tin ảnh</i>
4	Báo Sài Gòn giải phóng	Thông tin về những thể mạnh, lợi thế, cơ hội của tỉnh trong việc triển khai Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về “phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Phản ánh tâm tư, nguyện vọng của quần chúng nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Phát hiện biểu dương các gương điển hình, tiên tiến, phê bình, đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực. Thông tin về các dự án giao thông trọng điểm, đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh: tiến độ giải phóng mặt bằng các khu tái định cư cho các hộ dân; việc tập trung nguồn lực để đẩy nhanh các dự án giao thông trọng điểm. Thông tin về phát triển nông nghiệp bền vững và nông thôn mới ở Đồng Nai.	246.034.748	<i>Phụ lục 4 - Tổng dự toán kinh phí trên Báo Sài Gòn giải phóng</i> <i>Phụ lục 4.1 - Dự toán kinh phí bài phản ánh</i> <i>Phụ lục 4.2 - Dự toán kinh phí bài nghiên cứu trao đổi</i> <i>Phụ lục 4.3 - Dự toán kinh phí bài phỏng vấn</i> <i>Phụ lục 4.4 - Dự toán kinh phí ảnh minh họa theo bài</i> <i>Phụ lục 4.5 - Dự toán kinh phí tin ảnh</i>
5	Báo Pháp luật Việt Nam	Phản ánh, hướng dẫn dư luận xã hội; thực hiện diễn đàn trao đổi về hoạt động xây dựng, thi hành pháp luật, hoạt động tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công tác hoàn thiện thể chế, tổ chức thi hành, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo; công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Tiềm năng, thế mạnh của địa phương; những tấm gương người tốt, việc tốt, cách làm sáng tạo, hiệu quả đóng góp vào sự phát triển chung của tỉnh	205.000.000	<i>Phụ lục 5 - Tổng dự toán kinh phí trên Báo Pháp luật Việt Nam</i> <i>Phụ lục 5.1 - Dự toán kinh phí bài phản ánh</i> <i>Phụ lục 5.2 - Dự toán kinh phí bài nghiên cứu trao đổi</i> <i>Phụ lục 5.3 - Dự toán kinh phí bài phỏng vấn</i> <i>Phụ lục 5.4 - Dự toán kinh phí ảnh minh họa theo bài</i> <i>Phụ lục 5.5 - Dự toán kinh phí tin ảnh</i> <i>Đối với các Chi phí khác Báo Pháp luật đề xuất: chưa có thuyết minh và không có căn cứ chi</i>

6	Báo Đại biểu Nhân Dân	Tuyên truyền các nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo điều hành của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh về mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024. Tuyên truyền về công tác xây dựng Đảng; phản ánh tình hình triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các Nghị quyết về triển khai kinh tế - xã hội ở tỉnh Đồng Nai. Tuyên truyền những kết quả đạt được trong việc phát triển kinh tế - xã hội, du lịch của tỉnh. Thông tin về các giải pháp hỗ trợ của tỉnh với các các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	198.247.324	Phụ lục 6 - Tổng dự toán kinh phí trên Báo Đại biểu Nhân Dân Phụ lục 6.1 - Dự toán kinh phí bài phản ánh Phụ lục 6.2 - Dự toán kinh phí bài phỏng vấn Phụ lục 6.3 - Dự toán kinh phí ảnh minh họa theo bài Phụ lục 6.4 - Dự toán kinh phí tin ảnh
7	Báo Vietnamnet	Quan điểm, mục tiêu, giải pháp thực hiện chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh, xây dựng chính quyền điện tử tiến tới xây dựng chính quyền số trên địa bàn tỉnh. Truyền thông ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực then chốt: truyền thông ý nghĩa, tầm quan trọng, mục tiêu, lợi ích và những giá trị mà chuyển đổi số mang lại trong quản lý, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự đồng thuận trong các cấp chính quyền, doanh nghiệp, Nhân dân trong tỉnh để triển khai một cách đồng bộ, hiệu quả công cuộc xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh. Truyền thông, giới thiệu về tiềm năng du lịch Đồng Nai; về công tác thu hút đầu tư phát triển du lịch, phát triển du lịch sinh thái; quảng bá, hợp tác phát triển du lịch trong và ngoài nước	200.388.413	Phụ lục 7 - Tổng dự toán kinh phí trên Báo Vietnamnet Phụ lục 7.1 - Dự toán kinh phí bài phản ánh Phụ lục 7.2 - Dự toán kinh phí ảnh minh họa theo bài Phụ lục 7.3 - Dự toán kinh phí bài phản ánh
Tổng cộng			2.393.116.084	
II. KINH PHÍ THẨM ĐỊNH GIÁ			32.800.000	
			2.425.916.084	
<i>Bảng chữ: Hai tỷ bốn trăm hai mươi lăm triệu chín trăm mười sáu ngàn không trăm tám mươi bốn đồng/.</i>				

Phụ lục 01

DỰ TOÁN KINH PHÍ TUYÊN TRUYỀN TRÊN THÔNG TÁN XÃ NĂM 2024

TT	Đơn vị thực hiện	Diễn giải	ĐVT	Số tin, bài	Dự trù kinh phí		Ghi chú
					Đơn giá	Thành tiền	
I-/	Báo in và báo điện tử			I	II	III= I x II	
1	Báo ảnh Dân tộc & Miền núi (https://dantocmiennui.vn)	Độ dài trên 300 chữ + hình ảnh; ngôn ngữ Tiếng Việt	Số	1	8.627.494	8.627.494	Theo thông tư 18/2021/TT-BTTTT ngày 30/11/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông (trang 16), (trang 15): Báo nhân công và hệ số lương nhân công vận dụng theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004; ND 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 Thông tư 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV - Chi tiết phụ lục 1.1 (dự toán kinh phí tác phẩm báo chí tiếng
		Độ dài trên 300 chữ + hình ảnh; ngôn ngữ tiếng Khmer	Số	1	11.699.577	11.699.577	
2	Báo Việt Nam News (https://vietnamnews.vn/)	Độ dài trên 300 chữ + hình ảnh; ngôn ngữ Tiếng Anh	Số	2	11.699.577	23.399.154	
3	Báo ảnh Việt nam (https://vietnam.vnanet.vn/vietnamese)	Độ dài trên 300 chữ + hình ảnh; gồm 01 bài ngôn ngữ Tiếng Anh	Số	1	11.699.577	11.699.577	
		Độ dài trên 300 chữ + hình ảnh; gồm 01 bài ngôn ngữ Tiếng Trung	Số	1	11.699.577	11.699.577	
		Độ dài trên 300 chữ + hình ảnh; gồm 01 bài ngôn ngữ tiếng Pháp	Số	1	11.699.577	11.699.577	

		báo hình, tin truyền hình....					
III-/ Kênh truyền hình Vnews (https://vnews.gov.vn)	Phóng sự truyền hình: Thời lượng 5 phút	Số	2	27.476.116	54.952.233	Đơn giá xây dựng theo Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT Chi tiết phụ lục 1.3 - Dự toán kinh phí thực hiện phóng sự	
TỔNG CỘNG			48		497.898.025		

Phụ lục 1.1
BIỂU CHI TIẾT THỰC HIỆN TÁC PHẨM BẢO CHỨ (Tiếng nước ngoài)
Áp dụng Mã hiệu: 01.01.01.04 (01 bài phần ảnh)

STT	Thành phần hao phí	Bậc nhân công	Đơn vị	Trị số định mức bài Không sử dụng tư liệu khai thác lại	Hệ số lương nhân công	Đơn giá ngày công (VNĐ)	Chi phí (VNĐ)	Chi chú
I	Nhân công						2.083.369	
1.1	Phòng viên hạng I	3/6	Công	0,33	6,47	529.364	174.690	Trị số định mức Công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo theo Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT ngày 30/11/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông (trang 15); Các nhân công và hệ số lương nhân công vận dụng theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004; ND 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023; Thông tư 11/2016/TT-LT-BTTTT-BNV
1.2	Phòng viên hạng II	5/8	Công	0,54	5,76	471.273	254.487	
1.3	Phòng viên hạng III	5/9	Công	3,27	3,67	300.273	981.892	
1.4	Biên tập viên hạng I	3/6	Công	0,18	6,47	529.364	95.285	
1.5	Biên tập viên hạng II	5/8	Công	0,5	5,76	471.273	235.636	
1.6	Biên tập viên hạng III	5/9	Công	1,14	3,66	299.455	341.378	
II	Máy sử dụng						477.325	
1	Máy in laser A4		Ca	0,0025		250.000	625	
2	Máy tính chuyên dụng		Ca	4,767		100.000	476.700	
III	Vật liệu sử dụng						66.800	
1	Giấy A4		Tờ	30		160	4.800	Theo thông tư 18/2021/TT-BTTTT ngày 30/11/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông (trang 16).
2	Mực in laser A4		Hộp	0,012		1.000.000	12.000	
3	Vật liệu phụ		%	10		5.000	50.000	
IV	Chi phí viết bằng tiếng nước ngoài (1 ngôn ngữ)						3.072.083	Theo thông tư 18/2021/TT-BTTTT ngày 30/11/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông (trang 8)
V	Chi phí đăng phát						6.000.000	Theo báo giá thị trường
	Tổng cộng (I+II+III+IV+V)						11.699.577	

Phụ lục 1.2
BIỂU CHI TIẾT THỰC HIỆN TÁC PHẨM BÁO CHÍ (Tiếng Việt)
Áp dụng Mã hiệu: 01.01.01.04 (01 bài phân ảnh)

STT	Thành phần hao phí	Bậc nhân công	Đơn vị	Trị số định mức bài không sử dụng tư liệu khai thác tại	Hệ số lương nhân công	Đơn giá ngày công (VNĐ)	Chi phí (VNĐ)	Chi chú
I	Nhân công						2.083.369	
1.1	Phòng viên hạng I	3/6	Công	0,33	6,47	529.364	174.690,00	Trị số định mức Công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo theo Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT ngày 30/11/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông (trưng 15); Báo nhân công và hệ số lương nhân công vận dụng theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004; ND 24/2023/ND-CP ngày 14/5/2023; Thông tư 11/2016/TT-LT-BTTTT-BNV
1.2	Phòng viên hạng II	5/8	Công	0,54	5,76	471.273	254.487	
1.3	Phòng viên hạng III	5/9	Công	3,27	3,67	300.273	981.892	
1.4	Biên tập viên hạng I	3/6	Công	0,18	6,47	529.364	95.285	
1.5	Biên tập viên hạng II	5/8	Công	0,5	5,76	471.273	235.636	
1.6	Biên tập viên hạng III	5/9	Công	1,14	3,66	299.455	341.378	
II	Máy sử dụng						477.325	
1	Máy in laser A4		Ca	0,0025		250.000	625	Theo thông tư 18/2021/TT-BTTTT ngày 30/11/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông (trưng 16).
2	Máy tính chuyên dụng		Ca	4,767		100.000	476.700	
III	Vật liệu sử dụng						66.800	
1	Giấy A4		Tờ	30		160	4.800	Theo bảo giá thị trường
2	Mực in laser A4		Hộp	0,012		1.000.000	12.000	
3	Vật liệu phụ		%	10		5.000	50.000	
IV	Chi phí đăng phát						6.000.000	
	Tổng cộng (I+II+III+IV)						8.627.494	

Phụ lục 1.3
BIỂU CHI TIẾT SẢN XUẤT 01 PHÒNG SỰ CHÍNH LƯUÂN 5 PHÚT (Phòng sự truyền hình)
(Mã 01.03.03.00.00)

STT	Thành phần hao phí	Bậc nhân công	Đơn vị	Trị số định mức sản xuất Chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	Hệ số lương nhân công	Đơn giá ngày công (VNĐ)	Chi phí sản xuất chương trình (VNĐ)	Chi chú
I	Nhân công						2.090.716	Trị số định mức SX chương trình theo Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20/4/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông (trang 56); Bậc nhân công và hệ số lương nhân công vận dụng theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004; ND 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023; Thông tư 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV; Thông tư 46/2017/TT-BTTTT
1,1	Biên tập viên hạng III	3/9	Công	3,14	3	245.455	770.727,27	
1,2	Biên tập viên hạng III	6/9	Công	0,36	3,99	326.455	117.524	
1,3	Biên tập viên hạng III	8/9	Công	0,05	4,65	380.455	19.023	
1,4	Kỹ thuật dựng phim hạng II	3/9	Công	0,16	3	245.455	39.273	
1,5	Kỹ thuật dựng phim hạng II	6/9	Công	0,01	3,99	326.455	3.265	
1,6	Phát thanh viên hạng III	3/10	Công	0,02	2,72	222.545	4.451	
1,7	Phóng viên hạng III	3/9	Công	2,75	3	245.455	675.000	
1,8	Quay phim viên hạng III	3/9	Công	1,88	3	245.455	461.455	
II	Máy sử dụng						10.373.000	
1	Hệ thống dựng phi tuyến		Giờ	4,63		200.000	926.000	
2	Hệ thống phòng đọc		Giờ	0,19		500.000	95.000	
3	Máy in		Giờ	0,02		100.000	2.000	
4	Máy quay phim		Giờ	13		450.000	5.850.000	

Phụ lục 2
DỰ TOÁN KINH PHÍ TUYÊN TRUYỀN TRÊN BÁO NHÂN DÂN

ĐVT: đồng						
STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuyết minh
1	2		4	5=3x4		
	Đơn giá xây dựng và biên tập bản thảo nội bộ đăng trên báo giấy và báo điện tử					
1	Bài phản ánh	Bài	54	4.485.969	242.242.309	Phụ lục 2.1 (dự toán kinh phí thực hiện bài phản ánh)
2	Bài Phỏng vấn	Bài	20	16.145.759	322.915.185	Phụ lục 2.2 (dự toán kinh phí thực hiện bài phỏng vấn)
3	Ảnh minh họa theo bài	ảnh	90	816.743	73.506.828	Phụ lục 2.3 (dự toán kinh phí thực hiện ảnh minh họa theo bài)
4	Tin Ảnh	Ảnh	70	2.232.783	156.294.804	Phụ lục 2.4 (dự toán kinh phí thực hiện tin ảnh)
			234			
	Tổng				794.959.126	

Tổng cộng

Bảy trăm chín mươi tư triệu chín trăm năm mươi chín ngàn một trăm hai mươi sáu đồng.

Phụ lục 2.1
DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN BÀI PHẢN ẠNH

Đơn vị tính: đồng										Mã hiệu 01.01.01.0 4 Thông từ 18 2021 BRITT	
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số lượng (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	Các khoản đóng góp theo lương (7)	Giá trị một ngày công 8=3x4x(6+7)	Thành tiền	
A CÔNG TÁC XÂY DỰNG BÀN THẢO VÀ BIÊN TẬP BÀN THẢO TÁC PHẨM BẢO CHỈ											
I Nhân công											
	Phòng viên hàng I		công	3/6	6,92	0,33	1.800.000	566.182	133.053	230.747	2.592.847
	Phòng viên hàng II		công	5/8	5,76	0,54	1.800.000	471.273	110.749	314.292	220.747
	Phòng viên hàng III		công	5/9	3,66	3,27	1.800.000	299.455	70.372	1.209.332	314.292
	Biên tập viên hàng I		công	3/6	6,92	0,18	1.800.000	566.182	133.053	125.862	125.862
	Biên tập viên hàng II		công	5/8	5,76	0,5	1.800.000	471.273	110.749	291.011	291.011
	Biên tập viên hàng III		công	5/9	3,66	1,14	1.800.000	299.455	70.372	421.602	421.602
2 Máy sử dụng											
	Máy tính chuyên dụng		ca				4,767				11.706
	Máy in laser A4		ca				0,0025	2.455			11.701
								2.121			5
3 Vật liệu sử dụng											
	Giấy A4		Tờ				30				4.800
	Mực in laser A4		Hộp				0,012				23.760
	Vật liệu phụ		%				10				2.856
I Tổng công (1+2+3)											
B CHI PHÍ KHÁC											
Trung bình số ngày thực hiện 1 bài											
Số ngày được tính ra dựa cơ vào số ngày công thực hiện theo định mức thông từ 18)											
Đơn giá											
Thành tiền											
1 Công tác phí											
Phụ cấp lưu trú công tác											
4											
200.000											
Phong nghỉ công tác											
3											
350.000											
II Tổng công											
1.050.000											
1.850.000											
4.485.969											
Theo Thông tư 18/2021/TT-BTC											
31.416											
Thực tế thi trường											

Theo Thông tư
14/2021/TT-BTC

Phụ lục 2.2
DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN BÀI PHÒNG VẤN

Đơn vị tính: đồng										
Đơn giá Bài Phòng vấn										
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số lượng (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	Các khoản đóng góp theo lương (7)	Giá trị một ngày công 8=3x4x(6+7)	Thành tiền
A CÔNG TÁC XÂY DỰNG BÀN THẢO VÀ BIÊN TẬP BÀN THẢO TÁC PHẨM BẢO CHỈ										
I	Nhân công									9.179.616
	Phòng viên hạng I	công	3/6	6,92	0,13	1.800.000	566.182	133.053	90.900	90.900
	Phòng viên hạng II	công	5/8	5,76	4,75	1.800.000	471.273	110.749	2.764.604	2.764.604
	Phòng viên hạng III	công	5/9	3,66	9,02	1.800.000	299.455	70.372	3.335.834	3.335.834
	Biên tập viên hạng I	công	3/6	6,92	0,25	1.800.000	566.182	133.053	174.809	174.809
	Biên tập viên hạng II	công	5/8	5,76	2	1.800.000	471.273	110.749	1.164.044	1.164.044
	Biên tập viên hạng III	công	5/9	3,66	4,46	1.800.000	299.455	70.372	1.649.426	1.649.426
2	Máy sử dụng									40.479
	Máy tính chuyên dùng	ca					16.483			40.458
	Máy in laser A4	ca					0,01			21
3	Vật liệu sử dụng									Theo giá thực tế thị trường
	Giấy A4	Tờ					120			19.200
	Mực in laser A4	Hộp					0,048			95.040
	Vật liệu phụ	%					10			11.424
I	Tổng cộng (1+2+3)									9.345.759
B CHI PHÍ KHÁC										

Theo Thông tư
số 40/2017/TT-
BTC

Phụ lục 2.3

[illegible]

Đơn vị tính: đồng

[illegible]

Phục lục 3
DỰ TOÁN TUYÊN TRUYỀN TRÊN BÁO THANH NIÊN

ĐVT: đồng

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuyết minh
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=3x4</i>		
<i>A</i>	Đơn giá xây dựng và biên tập bản thảo nội bộ đăng trên báo giấy và báo điện tử					
<i>1</i>	Bài phản ánh (báo điện tử)	Bài	15	4.934.785	74.021.769	Phụ lục 3.1 (dự toán kinh phí bài phản ánh)
<i>2</i>	Bài nghiên cứu trao đổi (báo in)	Bài	2	13.329.006	26.658.011	Phụ lục 3.2 (dự toán kinh phí bài nghiên cứu trao đổi)
<i>3</i>	Bài Phỏng vấn (báo điện tử)	Bài	2	17.492.814	34.985.628	Phụ lục 3.3 (dự toán kinh phí bài phỏng vấn)
<i>4</i>	Ảnh minh họa theo bài (Báo in)	ảnh	4	4.445.920	17.783.678	Phụ lục 3.4 (dự toán kinh phí ảnh minh họa theo bài báo in)
<i>5</i>	Ảnh minh họa theo bài (báo điện tử)	ảnh	36	1.145.516	41.238.562	Phụ lục 3.5 (dự toán kinh phí ảnh minh họa theo bài báo điện tử)
<i>6</i>	Tin Ảnh (báo điện tử)	Ảnh	20	2.795.031	55.900.620	Phụ lục 3.6 (dự toán kinh phí tin ảnh)
	Tổng				250.588.268	

Bằng chữ:

Hai trăm năm mươi triệu, năm trăm tám mươi tám ngàn, hai trăm sáu mươi tám đồng./

Phụ lục 3.1

[illegible]

Phụ lục 3.2
DỰ TOÁN KINH PHÍ BÀI NGHIỆN CỨU TRAO ĐỔI

Đơn giá Bài Nghiệm cứu trao đổi										Mã hiệu 01.01.05.0 1.10 Thông tư 18/2021 BITTT
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số lượng (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	Các khoản đóng góp theo lương (7)	Giá trị một ngày công 8=3x4x(6+7) (8)	Thành tiền
A CÔNG TÁC XÂY DỰNG BÀN THẢO VÀ BIÊN TẬP BÀN THẢO TÁC PHẨM BẢO CHỈ										
I	Nhân công									6.706.569
	Phòng viên hạng I	công	3/6	6,92	0,42	1.800.000	566.182	133.053	293.679	293.679
	Phòng viên hạng II	công	5/8	5,76	3,48	1.800.000	471.273	110.749	2.025.436	2.025.436
	Phòng viên hạng III	công	5/9	3,66	5,19	1.800.000	299.455	70.372	1.919.399	1.919.399
	Biên tập viên hạng I	công	3/6	6,92	0,29	1.800.000	566.182	133.053	202.778	202.778
	Biên tập viên hạng II	công	5/8	5,76	1,63	1.800.000	471.273	110.749	948.696	948.696
	Biên tập viên hạng III	công	5/9	3,66	3,56	1.800.000	299.455	70.372	1.316.582	1.316.582
2	Máy sử dụng									62.480
	Máy tính chuyên dụng	ca					2.455			-
	Máy in laser A4	ca					2.121			-
3	Vật liệu sử dụng									514.701
	Giấy A4	Tờ					160			Theo giá thực tế thị trường
	Mực in laser A4	Hộp					1.980.000			-
I	Tổng công (1+2+3)	%								-
B CHI PHÍ KHÁC										
										7.283.750
Trung bình số ngày thực hiện 1 bài										
1	Công tác phí	(số ngày được tính ra đơn cử vào số ngày công được bieten theo định mức thực sự 10)								Thành tiền
	Phụ cấp lưu trú công tác	8					200.000			1.600.000
	Phòng nghỉ công tác	7					350.000			2.450.000
	Chi phí khác									1.995.256
II	Tổng công									6.045.256
C ĐƠN GIÁ 1 BÀI NGHIỆN CỨU TRAO ĐỔI (1+II)										
										13.329.066
										Theo Thông tư 44/2017/TT- BTC

Phụ lục 3.3
DỰ TOÁN KINH PHÍ BÀI DĂNG TRÊN BÁO THANH NIÊN

Đơn giá Bài Phóng văn										Mã hiệu 01.01.04.0 1.10 Thông tư 18/2021 BITTT
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số lượng (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	Các khoản đóng góp theo lượng (7)	Giá trị một ngày công 8=3x4x(6+7))	Thành tiền
A CÔNG TÁC XÂY DỰNG BÀN THẢO VÀ BIÊN TẬP BÀN THẢO TÁC PHẨM BÁO CHÍ										
I	Nhân công									9.179.616
	Phòng viên hàng I	công	3/6	6,92	0,13	1.800.000	566.182	133.053	90.900	90.900
	Phòng viên hàng II	công	5/8	5,76	4,75	1.800.000	471.273	110.749	2.764.604	2.764.604
	Phòng viên hàng III	công	5/9	3,66	9,02	1.800.000	299.455	70.372	3.335.834	3.335.834
	Biên tập viên hàng I	công	3/6	6,92	0,25	1.800.000	566.182	133.053	174.809	174.809
	Biên tập viên hàng II	công	5/8	5,76	2	1.800.000	471.273	110.749	1.164.044	1.164.044
	Biên tập viên hàng III	công	5/9	3,66	4,46	1.800.000	299.455	70.372	1.649.426	1.649.426
2	Máy sử dụng									93.720
	Máy tính chuyên dụng	ca					2.455			
	Máy in laser A4	ca					2.121			-
3	Vật liệu sử dụng									752.323
	Giấy A4	Tờ					160			-
	Mực in laser A4	Hộp					1.980.000			-
	Vật liệu phụ	%								-
I	Tổng công (1+2+3)									10.025.659
B CHI PHÍ KHÁC										
I	Công tác phí	Trung bình số ngày thực hiện 1 bài (số ngày được tính ra căn cứ vào số ngày công thực hiện theo định mức thông tư 18)					Đơn giá			Thành tiền
	Phụ cấp lưu trú công tác	12					200.000			2.400.000
	Phong nghi công tác	12					350.000			4.200.000
	Chi phí khác						867.155			867.155
II	Tổng công									7.467.155
C ĐƠN GIÁ I BÀI PHÓNG VĂN (I+II)										
										17.492.814
										Theo Thông tư số 40/2017/TT- BTC

Đơn vị tính: đồng

[illegible]

Phụ lục 3.5
DỰ TOÁN KINH PHÍ ẢNH (BẢO ĐIỆN TỬ)

Đơn giá ảnh minh họa											Mã hiệu 01.01.06.02 Thông tư 18 2021 BTTTT	
Mã	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số lương (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	các khoản đóng góp theo lương (7)	Giá trị một ngày công (8=3x5(6+7))	Thành tiền		
A CÔNG TÁC XÂY DỰNG BẢN THẢO VÀ BIÊN TẬP BẢN THẢO ĐỐI VỚI THẺ LOẠI ẢNH MINH HỌA												
1	Nhân công									597.563		
	Phòng viên hạng II	công.	4/8	5.42	0.17	1.800.000	443.455	104.212	93.103	93.103		
	Phòng viên hạng III	công	5/9	3.66	0,96	1.800.000	299.455	70.372	355.033	355.033		
	Biên tập viên hạng II	công	4/8	5.42	0,05	1.800.000	443.455	104.212	27.383	27.383		
	Biên tập viên hạng III	công	5/9	3.66	0,33	1.800.000	299.455	70.372	122.043	122.043		
2	Máy sử dụng									5.940		
	Máy tính chuyên dùng						2.455					
	Máy ảnh chuyên dùng						33.333			0		
	Máy in laser A4 màu						2.121			0		
3	Vật liệu sử dụng									54.563	Theo giá thực tế thị trường	
	Giấy A4	Tờ					160			0		
	Mực in laser A4	Hộp					1.980.000			0		
	Vật liệu phụ	%								0		
I	Tổng công (1+2+3)									658.066		
B CHI PHÍ KHÁC												
		Trung bình số ngày thực hiện 1 bài					Đơn giá			Thành tiền		
1	Công tác phí	(số ngày được tính ra căn cứ vào số ngày công thực hiện theo định mức thông tư 18)										
	Phụ cấp lưu trú công tác	1					200.000			200.000		
	Chi phí khác									287.450	Theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC	
II	Tổng công									487.450		
C	ĐƠN GIÁ 1 TÍN ANH MINH HỌA (I+II)										1.145.516	

[illegible]

Phụ lục 4
DỰ TOÁN KINH PHÍ TUYÊN TRUYỀN TRÊN
BÁO SÀI GÒN GIẢI PHÓNG

DVT: đồng

STT	Nội dung chi	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuyết minh
<i>1</i>	<i>2</i>		<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=3x4</i>	
<i>A</i>	Đơn giá xây dựng và biên tập bản thảo nội bộ đăng trên báo giấy và báo điện tử					
	Bài phản ánh	Bài	4	4.485.969	17.943.875	Phụ lục 4.1 (Dự toán kinh phí bài phản ánh)
	Bài nghiên cứu trao đổi	Bài	4	10.816.594	43.266.376	Phụ lục 4.2 (Dự toán kinh phí bài nghiên cứu trao đổi)
	Bài Phỏng vấn	Bài	4	16.145.759	64.583.037	Phụ lục 4.3 (Dự toán kinh phí bài phỏng vấn)
	Ảnh minh họa theo bài	ảnh	16	816.743	13.067.880	Phụ lục 4.4 (Dự toán kinh phí ảnh minh họa theo bài)
	Tin Ảnh	Ảnh	48	2.232.783	107.173.580	Phụ lục 4.5 (Dự toán kinh phí tin ảnh)
			76			
	Tổng				246.034.748	

Bằng chữ

Hai trăm bốn mươi sáu triệu không trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm bốn mươi tám đồng.

Phụ lục 4.1
DỰ TOÁN KINH PHÍ BÀI PHẢN ẢNH

Đơn giá Bài Phản Ảnh												Đơn vị tính: đồng	
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số lương (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Tỷ lệ % áp dụng theo định mức thông tư 18 (4)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	Các khoản đóng góp theo lương (7)	Giá trị một ngày công 8=3x4x(6+7)	Thành tiền	Mã hiệu 01.01.01.04 Thông tư 18 2021 BTTTT	
A CÔNG TÁC XÂY DỰNG BẢN THẢO VÀ BIÊN TẬP BẢN THẢO TÁC PHẨM BẢO CHỈ													
1	Nhân công										2.592.847		
	Phóng viên hàng I	công	3/6	6,92	0,33	95	1.800.000	566.182	133.053	230.747	230.747		
	Phóng viên hàng II	công	5/8	5,76	0,54	95	1.800.000	471.273	110.749	314.292	314.292		
	Phóng viên hàng III	công	5/9	3,66	3,27	95	1.800.000	299.455	70.372	1.209.332	1.209.332		
	Biên tập viên hàng I	công	3/6	6,92	0,18	95	1.800.000	566.182	133.053	125.862	125.862		
	Biên tập viên hàng II	công	5/8	5,76	0,5	95	1.800.000	471.273	110.749	291.011	291.011		
	Biên tập viên hàng III	công	5/9	3,66	1,14	95	1.800.000	299.455	70.372	421.602	421.602		
2	Máy sử dụng										11.706		
	Máy tính chuyên dụng	ca			4,767	100		2.455			11.701		
	Máy in laser A4	ca			0,0025	100		2.121			5		
3	Vật liệu sử dụng										31.416	Theo giá thực tế thị trường	
	Giấy A4	Tờ			30	100		160			4.800		
	Mực in laser A4	Hộp			0,012	100		1.980.000			23.760		
	Vật liệu phụ	%			10	100					2.856		
I	Tổng công (1+2+3)										2.635.969		
B CHI PHÍ KHÁC													
	Trung bình số ngày thực hiện 1 bài											Đơn giá	Thành tiền
1	Công tác phí	(số ngày được tính ra căn cứ vào số ngày công thực hiện theo định mức thông tư 18)											

Phụ lục 4.2
DỰ TOÁN KINH PHÍ BÀI NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI

Đơn vị tính: đồng											
Đơn giá Bài Nghiên cứu trao đổi										Mã hiệu 01.01.05.01 Thông tư 18 2021 BTTTT	
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số lương (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Tỷ lệ % áp dụng theo định mức thông tư 18 (4)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	Các khoản đóng góp theo lương (7)		Giá trị một ngày công 8=3x4x(6+7)
A CÔNG TÁC XÂY DỰNG BẢN THẢO VÀ BIÊN TẬP BẢN THẢO TÁC PHẨM BÁO CHÍ											
1	Nhân công										6.706.569
	Phóng viên hạng I	công	3/6	6,92	0,42	95	1.800.000	566.182	133.053	293.679	293.679
	Phóng viên hạng II	công	5/8	5,76	3,48	95	1.800.000	471.273	110.749	2.025.436	2.025.436
	Phóng viên hạng III	công	5/9	3,66	5,19	95	1.800.000	299.455	70.372	1.919.399	1.919.399
	Biên tập viên hạng I	công	3/6	6,92	0,29	95	1.800.000	566.182	133.053	202.778	202.778
	Biên tập viên hạng II	công	5/8	5,76	1,63	95	1.800.000	471.273	110.749	948.696	948.696
	Biên tập viên hạng III	công	5/9	3,66	3,56	95	1.800.000	299.455	70.372	1.316.582	1.316.582
2	Máy sử dụng										28.609
	Máy tính chuyên dụng	ca			11,65	100		2.455			28.595
	Máy in laser A4	ca			0,0065	100		2.121			14

Phụ lục 4.3
DỰ TOÁN KINH PHÍ BÀI PHÒNG VÁN

Đơn vị tính: đồng												
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số lương (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Tỷ lệ % áp dụng theo định mức thông tư 18 (4)	Đơn giá Bài Phòng vấn					Mã hiệu 01.01.04.01 Thông tư 18 2021 BITTT
							Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	Các khoản đóng góp theo lương (7)	Giá trị một ngày công 8=3x4x(6+7)	Thành tiền	
A CÔNG TÁC XÂY DỰNG BÀN THẢO VÀ BIÊN TẬP BÀN THẢO TÁC PHẨM BẢO CHỈ												
I	Nhân công										9.179.616	
	Phong viên hạng I	công	3/6	6,92	0,13	95	1.800.000	566.182	133.053	90.900	90.900	
	Phong viên hạng II	công	5/8	5,76	4,75	95	1.800.000	471.273	110.749	2.764.604	2.764.604	
	Phong viên hạng III	công	5/9	3,66	9,02	95	1.800.000	299.455	70.372	3.335.834	3.335.834	
	Biên tập viên hạng I	công	3/6	6,92	0,25	95	1.800.000	566.182	133.053	174.809	174.809	
	Biên tập viên hạng II	công	5/8	5,76	2	95	1.800.000	471.273	110.749	1.164.044	1.164.044	
	Biên tập viên hạng III	công	5/9	3,66	4,46	95	1.800.000	299.455	70.372	1.649.426	1.649.426	
2	Máy sử dụng										40.479	
	Máy tính chuyên dụng	ca			16,483	100		2.455			40.458	
	Máy in laser A4	ca			0,01	100		2.121			21	
3	Vật liệu sử dụng										125.664	
											Theo giá thực tế thị trường	
	Giấy A4	Tờ			120	100		160			19.200	
	Mực in laser A4	Hộp			0,048	100		1.980.000			95.040	
	Vật liệu phụ	%			10	100					11.424	
I	Tổng công (1+2+3)										9.345.759	
B	CHI PHÍ KHÁC											
		Trung bình số ngày thực hiện 1 bài						Đơn giá		Thành tiền		

Phụ lục 4.4
DỰ TOÁN KINH PHÍ ÁNH

Đơn vị tính: đồng											
Mã	Nội dung	Đơn giá ảnh minh họa									Mã hiện 01.01.06.02 Thông tư 18 2021 BITTT
		Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số sông lương (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Tỷ lệ % áp dụng theo định mức TT 18 (4)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	các khoản đóng góp theo lương (7)	Giá trị một ngày công (8=3x5(6+7))	
A CÔNG TÁC XÂY DỰNG BÀN THẢO VÀ BIÊN TẬP BÀN THẢO ĐỐI VỚI THẺ LOẠI ẢNH MINH HỌA											
I	Nhân công										597.563
	Phòng viên hạng II	công	4/8	5,42	0,17	95	1.800.000	443.455	104.212	93.103	93.103
	Phòng viên hạng III	công	5/9	3,66	0,96	95	1.800.000	299.455	70.372	355.033	355.033
	Biên tập viên hạng II	công	4/8	5,42	0,05	95	1.800.000	443.455	104.212	27.383	27.383
	Biên tập viên hạng III	công	5/9	3,66	0,33	95	1.800.000	299.455	70.372	122.043	122.043
2	Máy sử dụng										14.991
	Máy tính chuyên dụng				0,906			2.455			2.224
	Máy ảnh chuyên dụng				0,383			33.333			12.767
	Máy in laser A4 màu				0,0003			2.121			1
3	Vật liệu sử dụng										4.189
	Giấy A4	Tờ			4,0			160			640
	Mực in laser A4	Hộp			0,0016			1.980.000			3.168
	Vật liệu phụ	%			10						381
I	Tổng cộng (1+2+3)										616.743
B CHI PHÍ KHÁC											

Phụ lục 4.5

Đơn vị tính: đồng

[illegible]

Phụ lục 5
DỰ TOÁN KINH PHÍ TUYÊN TRUYỀN TRÊN BÁO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

ĐVT: đồng

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuyết minh
<i>1</i>	<i>2</i>		<i>4</i>	<i>5=3x4</i>		
1	Bài phản ánh	Bài	8	4.522.633	36.181.060	Phụ lục 5.1 (Dự toán kinh phí bài phản ánh)
2	Bài nghiên cứu trao đổi	Bài	2	10.855.139	21.710.277	Phụ lục 5.2 (Dự toán kinh phí bài nghiên cứu trao đổi)
3	Bài Phỏng vấn	Bài	3	16.189.956	48.569.869	Phụ lục 5.3 (Dự toán kinh phí bài phỏng vấn)
4	Ảnh minh họa theo bài	ảnh	30	837.628	25.128.840	Phụ lục 5.4 (Dự toán kinh phí ảnh minh họa theo bài)
5	Tin Ảnh	Ảnh	30	2.253.668	67.610.052	Phụ lục 5.5 (Dự toán kinh phí tin ảnh)
	Tổng		73		199.200.099	
Chi phí khác					5.799.901	Không có căn cứ chi
TỔNG CỘNG					205.000.000	

Bằng chữ

Hai trăm linh năm triệu đồng

Phụ lục 5.1

[illegible]

Phụ lục 5.2

[illegible]

Phụ lục 5.3

DỰ TOÁN KINH PHÍ BÀI PHÒNG VÁN

[illegible]

Phụ lục 5.4

DỰ TOÁN KINH PHÍ ẦNH

Đơn giá ảnh minh họa											Đơn vị tính:
Mã	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số lương (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	các khoản đóng góp theo lương (7)	Giá trị một ngày công (8=3x5(6+7))	Thành tiền	Mã hiệu
											01.01.06.02 Thông tư 18/2021 BITTT
A CÔNG TÁC XÂY DỰNG BẢN THẢO VÀ BIÊN TẬP BẢN THẢO ĐỐI VỚI THỂ LOẠI ẢNH MINH HỌA											
I Nhân công											
	Phòng viên hạng II	công	4/8	5,42	0,17	1.800.000	443.455	104.212	93.103	93.103	
	Phòng viên hạng III	công	5/9	3,66	0,96	1.800.000	299.455	70.372	355.033	355.033	
	Biên tập viên hạng II	công	4/8	5,42	0,05	1.800.000	443.455	104.212	27.383	27.383	
	Biên tập viên hạng III	công	5/9	3,66	0,33	1.800.000	299.455	70.372	122.043	122.043	
2	Máy sử dụng									19.881	
	Máy tính chuyên dụng				0,906		2.727			2.471	
	Máy ảnh chuyên dụng				0,383		45.455			17.409	
	Máy in laser A4 màu				0,0003		3.030			1	
3	Vật liệu sử dụng									4.381	Theo giá thực tế thị trường
	Giấy A4	Tờ			4		191,75			767	
	Mực in laser A4	Hộp			0,0016		2.010,000			3.216	
	Vật liệu phụ	%			10					398	
I	Tổng cộng (1+2+3)									621.825	
B	CHI PHÍ KHÁC										
		Trung bình số ngày thực hiện 1 bài				Đơn giá				Thành tiền	
	Công tác phí	(số ngày được tính ra căn cứ vào số ngày công thực hiện theo định mức thông tư 18)									
1	Phụ cấp lưu trú công tác	1				200.000				200.000	Thông tư số

Đơn vị tính: đồng

Đơn vị tính: đồng									
Mã	Nội dung	Đơn giá Tin ảnh							Thành tiền
		Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số lương (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	các khoản đóng góp theo lương (7)	
A CÔNG TÁC XÂY DỰNG BÀN THẢO VÀ BIÊN TẬP BÀN THẢO ĐỐI VỚI THẺ LOẠI TIN ẢNH									
1	Nhân công								1.463.603
	Phòng viên hạng I bậc 3/6	công	3/6	6,92	0,17	1.800.000	566.182	133.053	118.870
	Phòng viên hạng II bậc 4/8	công	4/8	5,42	0,26	1.800.000	443.455	104.212	142.393
	Phòng viên hạng III bậc 5/9	công	5/9	3,66	2,48	1.800.000	299.455	70.372	917.169
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	công	3/6	6,92	0,02	1.800.000	566.182	133.053	13.985
	Biên tập viên hạng II bậc 4/8	công	4/8	5,42	0,09	1.800.000	443.455	104.212	49.290
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	công	5/9	3,66	0,6	1.800.000	299.455	70.372	221.896
2	Máy sử dụng								19.881
	Máy tính chuyên dùng				0,906		2.727		2.471
	Máy ảnh chuyên dùng				0,383		45.455		17.409
	Máy in laser A4 màu				0,0003		3.030		1
3	Vật liệu sử dụng								4.381
	Giấy A4	Tờ			4		191,75		767
	Mực in laser A4	Hộp			0,0016		2.010.000		3.216
	Vật liệu phụ	%			10				398
1	Tổng cộng (1+2+3)								1.487.865
B	CHI PHÍ KHÁC								
		Trung bình số ngày thực hiện 1 bài		Đơn giá		Thành tiền			
1	Công tác phí	(số ngày được tính ra căn cứ vào số ngày công thực hiện theo định mức thông tư 18)							
	Phụ cấp lưu trú công tác	2				200.000		400.000	
	Phòng nghỉ công tác	1				350.000		350.000	
40/2017/TT-									

Phụ lục 6
DỰ TOÁN KINH PHÍ TUYÊN TRUYỀN TRÊN BÁO
ĐẠI BIỂU NHÂN DÂN

ĐVT: đồng

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuyết minh
<i>1</i>	<i>2</i>		<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=3x4</i>	
<i>A</i>	Đơn giá xây dựng và biên tập bản thảo nội bộ đăng trên báo giấy và báo điện tử					
	Bài phản ánh	Bài	52	2.279.359	118.526.672	Phụ lục 6.1 (Dự toán kinh phí bài phản ánh)
	Bài Phỏng vấn	Bài	6	9.080.050	54.480.301	Phụ lục 6.2 (Dự toán kinh phí bài phỏng vấn)
	Ảnh minh họa theo bài	ảnh	64	616.743	39.471.522	Phụ lục 6.3 (Dự toán kinh phí ảnh minh họa theo bài)
	Tin Ảnh	Ảnh	28	1.349.928	37.797.994	Phụ lục 6.4 (Dự toán kinh phí ảnh minh họa theo bài)
	Tổng				250.276.488	
	Làm tròn				250.000.000	

Phụ lục 6.1
DỰ TOÁN KINH PHÍ BÀI PHẢN ÁNH

Đơn giá Bài Phản Ảnh											Đơn vị tính: đồng	
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số lương (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Tỷ lệ % áp dụng theo định mức thông tư 18 (4)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	Các khoản đóng góp theo lương (7)	Giá trị một ngày công 8=3x4x(6+7)	Thành tiền	Mã hiệu 01.01.01.0 4 Thông tư 18 2021 BTTTT
A CÔNG TÁC XÂY DỰNG BẢN THẢO VÀ BIÊN TẬP BẢN THẢO TÁC PHẨM BÁO CHÍ												
I	Nhân công										2.236.237	
	Phóng viên hạng II	công	5/8	5,76	0,54	95	1.800.000	471.273	110.749	314.292	314.292	
	Phóng viên hạng III	công	5/9	3,66	3,27	95	1.800.000	299.455	70.372	1.209.332	1.209.332	
	Biên tập viên hạng II	công	5/8	5,76	0,5	95	1.800.000	471.273	110.749	291.011	291.011	
	Biên tập viên hạng III	công	5/9	3,66	1,14	95	1.800.000	299.455	70.372	421.602	421.602	
2	Máy sử dụng										11.706	
	Máy tính chuyên dụng	ca			4,767	100		2.455			11.701	
	Máy in laser A4	ca			0,0025	100		2.121			5	
3	Vật liệu sử dụng										31.416	Theo giá thực tế thị trường
	Giấy A4	Tờ			30	100		160			4.800	
	Mực in laser A4	Hộp			0,012	100		1.980.000			23.760	
	Vật liệu phụ	%			10	100					2.856	
I	Tổng cộng (1+2+3)										2.279.359	
B CHI PHÍ KHÁC												
		Trung bình số ngày thực hiện 1 bài					Đơn giá		Thành tiền			
1	Công tác phí	(số ngày được tính ra căn cứ vào số ngày công thực hiện theo định mức thông tư 18)							0			
	Phụ cấp lưu trú công tác						200.000		0			
	Phòng nghỉ công tác						350.000		0			
II	Tổng cộng								0			
C ĐƠN GIÁ 1 BÀI PHẢN ÁNH (I+II)												
											2.279.359	Theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC

Đơn vị tính: đồng

Đơn giá Bạt Phòng ván											Đơn vị tính: đồng	
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp bậc lương (1)	Hệ số (2)	Trị số định mức theo TT (3)	Tỷ lệ % áp dụng theo định mức thông tư 18 (4)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	Chi khoản đóng góp theo lương (7)	Giá trị một ngày công 8=3x4(6+7)	Mã hiệu 01.01.04.01 Thông tư 18/2021 BTTTT	
A CÔNG TÁC XÂY DỰNG BÀN THẢO VÀ BIÊN TẬP BÀN THẢO TÁC PHẠM BẢO CHỈ												
I Nhân công												
	Phonơ viên hạng II	công	5/8	5/76	4,75	95	1.800.000	471.273	110.749	2.764.604	8.913.907	
	Phonơ viên hạng III	công	5/9	3/66	9,02	95	1.800.000	299.455	70.372	3.335.834	2.764.604	
	Biên tập viên hạng II	công	5/8	5/76	2	95	1.800.000	471.273	110.749	1.164.044	3.335.834	
	Biên tập viên hạng III	công	5/9	3/66	4,46	95	1.800.000	299.455	70.372	1.164.044	1.164.044	
2 Máy sử dụng												
	Máy tính chuyên dụng	cá			16,483	100		2.455		1.649.426	40.479	
	Máy in laser A4	cá			0,01	100		2.121		40.458	21	
3 Vật liệu sử dụng												
	Giấy A4	Ty			120	100		160		19.200	Theo giá thực tế thị trường	
	Mực in laser A4	Hộp			0,048	100		1.980.000		95.040		
	Vật liệu phụ	%			10	100				11.424		
I Tổng cộng (1+2+3)												
B CHI PHÍ KHÁC												
Trung bình số ngày thực hiện 1 bài												
Số ngày được tính ra các đơn vị tính theo thực hiện theo định mức thông tư 18												
I Công tác phí												
Phụ cấp lưu trú công tác												
200.000												
0												
II Tổng cộng												
350.000												
0												
Theo Thông tư số 06/2011/TT-BTC												
C ĐƠN GIÁ 1 BẠT PHÒNG VÁN (1+II)												
9.080.050												

Phụ lục 6.3
DỰ TOÁN KINH PHÍ ÁNH

Đơn giá ảnh minh họa											Đơn vị tính: đồng	
Mã	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số sống lương (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Tỷ lệ % áp dụng theo định mức TT 18 (4)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	các khoản đóng góp theo lương (7)	Giá trị một ngày công (8=3x5(6+7))	Thành tiền	Mã hiệu 01.01.06.02 Thông tư 18 2021 BTTTT
A CÔNG TÁC XÂY DỰNG BẢN THẢO VÀ BIÊN TẬP BẢN THẢO ĐỐI VỚI THỂ LOẠI ẢNH MINH HỌA												
I	Nhân công										597.563	
	Phòng viên hạng II	công	4/8	5,42	0,17	95	1.800.000	443.455	104.212	93.103	93.103	
	Phòng viên hạng III	công	5/9	3,66	0,96	95	1.800.000	299.455	70.372	355.033	355.033	
	Biên tập viên hạng II	công	4/8	5,42	0,05	95	1.800.000	443.455	104.212	27.383	27.383	
	Biên tập viên hạng III	công	5/9	3,66	0,33	95	1.800.000	299.455	70.372	122.043	122.043	
2	Máy sử dụng										14.991	
	Máy tính chuyên dùng				0,906			2.455			2.224	
	Máy ảnh chuyên dùng				0,383			33.333			12.767	
	Máy in laser A4 màu				0,0003			2.121			1	
3	Vật liệu sử dụng										4.189	Theo giá thực tế thị trường
	Giấy A4	Tờ			4,0			160			640	
	Mực in laser A4	Hộp			0,0016			1.980.000			3.168	
	Vật liệu phụ	%			10						381	
I	Tổng công (1+2+3)										616.743	
B CHI PHÍ KHÁC												
		Trung bình số ngày thực hiện 1 bài						Đơn giá		Thành tiền		
I	Công tác phí	(số ngày được tính ra căn cứ vào số ngày công thực hiện theo định mức thông tư 18)								0		
	Phụ cấp lưu trú công tác									200.000	0	Theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC
II	Tổng cộng										0	
C	ĐƠN GIÁ 1 TIN ẢNH MINH HỌA (I+II)										616.743	

Đơn vị tính: đồng

Phụ lục 6.4
DỰ TOÁN KINH PHÍ TIN ẢNH

Đơn vị tính: đồng												
Mã	Nội dung	Đơn giá Tin ảnh							Mã hiệu 01.01.06.01 Thông tư 18 2021 BTTTT			
		Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số lượng (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Tỷ lệ % áp dụng theo định mức TT 18 (4)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)		Các khoản đóng góp theo lương (7)	Giá trị một ngày công (8=3x5(6+7))	Thành tiền
A	CÔNG TÁC XÂY DỰNG BẢN THẢO VÀ BIÊN TẬP BẢN THẢO ĐỐI VỚI THẺ LOẠI TIN ẢNH											
I	Nhân công									1.330.748		
	Phòng viên hạng II bậc 4/8	công	4/8	5,42	0,26	95	1.800.000	443.455	104.212	142.393	142.393	
	Phòng viên hạng III bậc 5/9	công	5/9	3,66	2,48	95	1.800.000	299.455	70.372	917.169	917.169	
	Biên tập viên hạng II bậc 4/8	công	4/8	5,42	0,09	95	1.800.000	443.455	104.212	49.290	49.290	
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	công	5/9	3,66	0,6	95	1.800.000	299.455	70.372	221.896	221.896	
2	Máy sử dụng									14.991		
	Máy tính chuyên dụng				0,906						2.224	
	Máy ảnh chuyên dụng				0,383			2.455			12.767	
	Máy in laser A4 màu				0,0003			33.333			1	
3	Vật liệu sử dụng							2.121			4.189	
	Giấy A4	Tờ			4,0			160			640	
	Mực in laser A4	Hộp			0,0016			1.980.000			3.168	
I	Tổng cộng (1+2+3)	%			10						381	
B	CHI PHÍ KHÁC										1.349.928	
1	Công tác phí	Trung bình số ngày thực hiện 1 bài (số ngày được tính ra căn cứ vào số ngày công thực hiện theo định mức thông tư 18)						Đơn giá		Thành tiền		
	Phụ cấp lưu trú công tác							200.000		0		
	Phòng nghỉ công tác							350.000		0		
II	Tổng cộng									0	Theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC	
C	ĐƠN GIÁ I TIN ẢNH (I+II)										1.349.928	

Theo Thông tư
số 40/2017/TT-

Phụ lục 7
DỰ TOÁN KINH PHÍ TUYÊN TRUYỀN TRÊN BÁO VIETNAMNET

ĐVT: đồng

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuyết minh
1	2	3	4	5 = 3x4		
4	Đơn giá xây dựng và biên tập bản thảo nội bộ đăng trên báo điện tử VietNamNet					
1	Bài phản ánh	Bài	26	4.485.969	116.635.186	Phụ lục 7.1 (Dự toán kinh phí bài phản ánh)
2	Ảnh minh họa theo bài	Ảnh	26	816.743	21.235.306	Phụ lục 7.2 (Dự toán kinh phí ảnh minh họa theo bài)
3	Tin Ảnh	Tin	28	2.232.783	62.517.922	Phụ lục 7.3 (Dự toán kinh phí tin ảnh)
	Tổng				200.388.413	

Bảng chữ: Hai trăm triệu ba trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm mười ba đồng./

Phụ lục 7.1

[illegible]